TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến
Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXX-ST ngày 28/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/10/1994 (vắng mặt)
Nơi cư trú: tổ dân phố Q, phường T, thị xã V, tỉnh B.
Hiện đang lao động tại Nhật Bản
Chị H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị M, sinh năm 2002; Nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn L, huyện T, thành phố H giao nhận văn bản tố tụng với Tòa án (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2024).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn V, sinh ngày 12/7/1993 (vắng mặt)
Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường N, thị xã V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H (có xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka, N) trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh V được tự do tìm rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh B. Sau kết hôn chị tiếp tục quay lại N làm việc. Năm

2019 anh V cũng sang N lao động, vợ chồng đoàn tụ và chung sống hòa thuận. Vợ chồng chung sống một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống. Cụ thể là chị muốn tiếp tục ở lại N làm kinh tế nhưng anh V muốn hai vợ chồng về nước sinh sống cùng bố mẹ anh V để ổn định cuộc sống. Do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, cãi vã dẫn đến sống ly thân. Khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Hiện nay anh, chị đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế và sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Anh V hiện tại đã về Việt Nam sinh sống và làm việc còn chị vẫn ở lại N làm việc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn V.

Về con chung: anh, chị không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai anh Đỗ Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ chồng anh nhất trí với trình bày của chị H. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: anh, chị không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H, anh V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H, anh V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: chị H khởi kiện xin ly hôn anh V. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị H hiện đang lao động tại N. Anh V là bị đơn hiện đang cư trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V(nay phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh V.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: chị H, anh V đều xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Nhưng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Anh, chị xác định kể từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau. Mặc dù anh, chị đã chủ động nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn và được hai bên gia đình hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị H, anh V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh V là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân.

[6]. Về con chung: Chị H, anh V không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị H, anh V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo: Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị H đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn V.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000457 ngày 18/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường N, thị xã V, tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc